

# HIỆU QUẢ SẢN XUẤT MÍA NGUYÊN LIỆU Ở TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Quốc Nghi, Bùi Văn Trinh và Lê Thị Diệu Hiền<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*This paper aims to analyze the sugar-cane production efficiency of 120 households in Hau Giang province. The result shows that sugar-cane production in Hau Giang province yearly generates profit for farmers. Sugar-cane is considered as a main crop in Hau Giang province. Yield and profit of farmers who has contract with sugar companies are higher than those without contracts. Among sugar-cane areas in Hau Giang province, such as Nga Bay Town, Phung Hiep District, Vi Thanh Town, and Long My District, there is a significant difference in sugar-cane yield due to the difference in production conditions.*

**Keywords:** *Production efficiency, yield, profit*

**Title:** *The sugar-cane production efficiency in Hau Giang province*

## TÓM TẮT

*Mục tiêu của bài viết là phân tích hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu của 120 hộ tại tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Hoạt động sản xuất mía hàng năm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đều đem lại lợi nhuận cho nông hộ trồng mía. Mía nguyên liệu được xem là cây trồng chủ lực trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Năng suất và lợi nhuận mía của nông dân có ký hợp đồng với nhà máy đường cao hơn những hộ không ký hợp đồng. Giữa các vùng sản xuất mía trong tỉnh, cụ thể là khu vực thị xã Ngã Bảy và huyện Phụng Hiệp với thị xã Vi Thanh và huyện Long Mỹ có sự khác nhau cơ bản về điều kiện sản xuất, nên năng suất có sự chênh lệch khá nhiều.*

**Từ khóa:** *Hiệu quả sản xuất, năng suất, lợi nhuận*

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Với diện tích trồng mía tương đối lớn so với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, cây mía nguyên liệu được xem là cây trồng mũi nhọn có tính chiến lược của tỉnh Hậu Giang, khẳng định thế mạnh của cây mía nguyên liệu và ngành chế biến đường Hậu Giang ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều năm qua, nông hộ trồng mía ở địa phương này đã ứng dụng nhiều loại giống mới và các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất làm năng suất bình quân hằng năm tăng dần từ 60-70 tấn/ha lên 100-150 tấn/ha. Tuy nhiên, theo đánh giá của các nhà chuyên môn, xét về chất lượng của cây mía Hậu Giang thì vẫn còn chưa cao, nguyên nhân chủ yếu là do đặc thù về tập quán và điều kiện tự nhiên của địa bàn. Từ đó, hiệu quả mang lại cho người trồng mía chưa cao, thậm chí có năm còn bị lỗ do biến động của giá cả thị trường. Để làm rõ những vấn đề trên, nghiên cứu này phản ánh hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang.

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phương pháp chọn vùng nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu chính là huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ, thị xã Vị Thanh và thị xã Ngã Bảy. Tổng diện tích của bốn địa bàn này chiếm trên 90% diện tích trồng mía của toàn tỉnh Hậu Giang và nơi đây tập trung nhiều nông dân trồng mía mang tính đặc trưng và đại diện cho đối tượng nghiên cứu.

### 2.2 Phương pháp thu thập số liệu

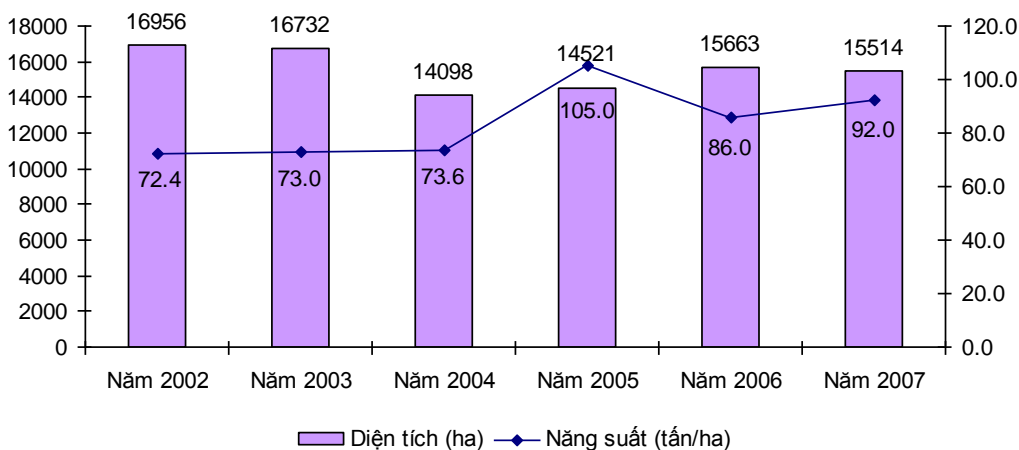
- Số liệu thứ cấp: Báo cáo tổng kết của các cơ quan, ban ngành nông nghiệp năm 2007, Trung tâm khuyến nông tỉnh Hậu Giang, niên giám thống kê 2007. Các nhận định, đánh giá của các nhà chuyên môn, quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc.
- Số liệu sơ cấp: Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập số liệu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên để tiến hành thu thập số liệu. Nhóm nghiên cứu tiến hành điều tra trực tiếp 120 nông hộ trồng mía nguyên liệu.

### 2.3 Phương pháp phân tích số liệu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả và xếp hạng theo tiêu thức để phản ánh thực trạng tình hình sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ. Sử dụng nhóm các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế như: tổng chi phí, doanh thu, lợi nhuận để đánh giá hiệu quả kinh tế việc sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ. Phương pháp kiểm định thống kê được sử dụng để so sánh năng suất và lợi nhuận giữa các vùng sản xuất mía nguyên liệu ở tỉnh Hậu Giang.

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Diện tích, năng suất mía Hậu Giang qua từ năm 2002 đến 2007



Hình 1: Diện tích, năng suất mía Hậu Giang từ 2002 đến 2007

Tình hình sản xuất mía nguyên liệu ở tỉnh Hậu Giang có nhiều biến động từ năm 2002 đến năm 2007, tuy nhiên cây mía nguyên liệu vẫn được xem là trong những cây trồng chủ lực trong việc tạo thu nhập cho người dân ở nông thôn trong tỉnh.

Việc tăng năng suất đột biến năm 2005 là do điều kiện tự nhiên thuận lợi và nông hộ đã áp dụng giống mía mới vào sản xuất, đồng thời năng suất giảm vào năm 2006 là do điều kiện canh tác trong năm gặp nhiều khó khăn, sự diễn biến phức tạp của điều kiện tự nhiên như mưa, bão, lũ .... Diện tích canh tác mía trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong các năm từ 2002 đến năm 2007 có sự tăng giảm nhưng không đáng kể. Chính sự biến động không ngừng của năng suất và diện tích canh tác đã dẫn đến sự thay đổi sản lượng thu hoạch qua các năm gây ra biến động nguồn mía nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy đường trong và ngoài tỉnh Hậu Giang.

### 3.2 Thời gian tham gia sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ

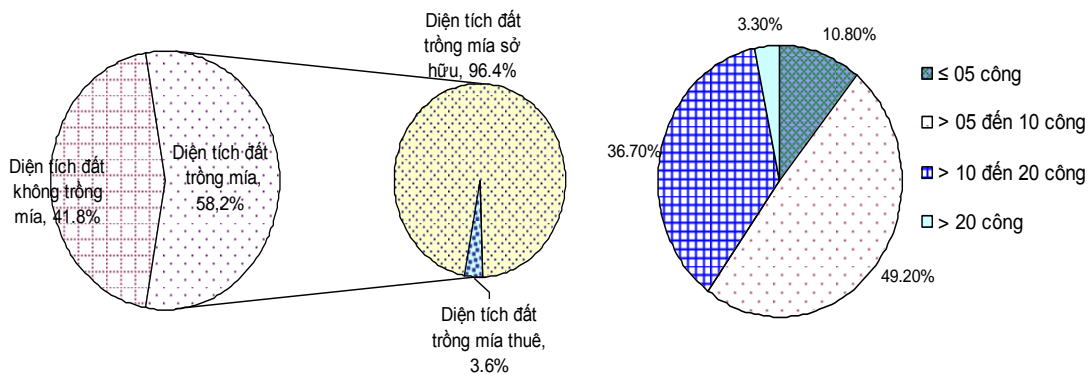
**Bảng 1: Thời gian tham gia sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ tính đến năm 2008**

Thời gian	Nông hộ	Tỷ lệ (%)
Nhỏ hơn 05 năm	17,0	12,14
Trên 05 năm đến 10 năm	26,0	18,57
Trên 10 năm đến 15 năm	18,0	12,86
Trên 15 năm đến 20 năm	30,0	21,43
Lớn hơn 20 năm	49,0	35,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>140</b>	<b>100</b>
<b>Trung bình (năm)</b>		<b>17</b>

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2007-2008

Số năm kinh nghiệm trồng mía nguyên liệu của người dân ở tỉnh Hậu Giang tính đến năm 2008 bình quân là 17 năm. Nông hộ ở vùng nghiên cứu phần lớn tham gia vào ngành trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 1995. Tỷ lệ nông hộ có trên 10 năm kinh nghiệm sản xuất mía là khá lớn (69,29%), điều này chứng tỏ nông hộ trong vùng nghiên cứu có rất nhiều kinh nghiệm trồng mía nguyên liệu.

### 3.3 Diện tích trồng mía nguyên liệu của nông hộ



**Hình 2: Cơ cấu sử dụng đất trồng mía của nông hộ**      **Hình 3: Qui mô sản xuất mía của nông hộ**

Tỷ lệ đất dùng sản xuất mía nguyên liệu của các nông hộ trong vùng nghiên cứu chiếm 58,2% tổng diện tích đất của nông hộ, trong đó diện tích đất của nông hộ sở hữu được sử dụng để trồng mía chiếm 96,4%. Phần lớn hộ trồng mía có diện tích trên 05 đến 10 công chiếm tỷ lệ rất cao (49,2%), kể đến là nhóm hộ có diện tích sản xuất trên 10 đến 20 công (36,7%), số hộ có diện tích sản xuất 05 công trở xuống (10,8%) và trên 20 công (3,3%) chiếm tỷ lệ rất ít.

### 3.4 Nguyên nhân nông hộ tham gia trồng mía nguyên liệu

**Bảng 2: Nguyên nhân tham gia sản xuất mía nguyên liệu**

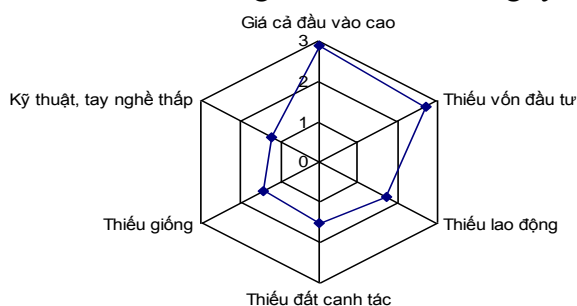
Nguyên nhân tham gia	Tỷ lệ đánh giá(%)	Xếp hạng
Do đất đai phù hợp	80,7	1
Có kinh nghiệm sản xuất	23,6	2
Do năng suất cao	17,1	3
Theo phong trào địa phương	14,3	4
Lợi nhuận cao hơn cây trồng khác	12,1	5

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2007-2008

Nguyên nhân chính mà nông hộ tham gia sản xuất mía nguyên liệu đó là điều kiện đất đai phù hợp, đây là một yếu tố được các nông hộ, các cán bộ kỹ thuật đánh giá rất cao. Nguyên nhân thứ hai dẫn đến người nông dân tham gia trồng mía nguyên liệu là có sẵn kinh nghiệm sản xuất. Trồng mía do năng suất cao là nguyên nhân thứ ba khiến nông hộ gia nhập ngành. Làm theo phong trào địa phương, lợi nhuận hơn các cây trồng khác cũng là những nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến việc tham gia trồng mía nguyên liệu.

### 3.5 Những khó khăn khi tham gia sản xuất mía nguyên liệu

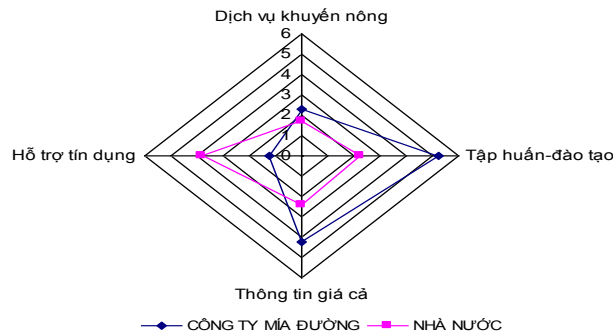
Việc tham gia sản xuất mía nguyên liệu đối với nông hộ ở tỉnh Hậu Giang là một vấn đề không khó. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi khi tham gia sản xuất mía nguyên liệu nông hộ cũng gặp một số khó khăn nhất định. Hai khó khăn lớn mà nông dân phải đối mặt là giá cả các nguyên vật liệu đầu vào cao và thiếu vốn đầu tư. Ngoài ra, thiếu lao động, kỹ thuật, thiếu giống, thiếu đất canh tác cũng là vấn đề gây không ít khó khăn khi tham gia sản xuất mía nguyên liệu.



**Hình 4: Khó khăn khi tham gia sản xuất mía**

### 3.6 Các dịch vụ hỗ trợ đối với nông hộ

Nông hộ được nhận nhiều các dịch vụ hỗ trợ từ phía công ty mía đường như tập huấn-đào tạo, thông tin giá cả, còn đối với dịch vụ khuyến nông và hỗ trợ tín dụng thì công ty mía đường chưa quan tâm nhiều. Ngược lại, về phía nhà nước thì hỗ trợ rất mạnh cho nông hộ trồng mía về tín dụng. Nhìn chung, dịch vụ khuyến nông chưa được nhà nước và công ty mía đường quan tâm đúng mức đối với nông hộ trồng mía nguyên liệu.



Hình 5: Các dịch vụ hỗ trợ đối với nông hộ

### 3.7 Hiệu quả sản xuất mía trên 1000m<sup>2</sup> đất ở Hậu Giang niên vụ 2006, 2007

Bảng 3: Các khoản mục chi phí bình quân trên 1000m<sup>2</sup> đất trồng mía nguyên liệu

Khoản mục	Niên vụ 2006		Niên vụ 2007	
	Chi phí (đồng)	Tỷ lệ (%)	Chi phí (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I. Chi phí vật chất</b>	<b>1.336.919</b>	<b>46,4</b>	<b>1.672.700</b>	<b>47,8</b>
- Chi phí giống	441.034	18,6	510.330	14,6
- Chi phí phân bón	846.273	35,7	1.041.900	29,8
- Chi phí thuốc BVTV	38.174	1,6	46.040	1,3
- Các loại chi phí khác	11.438	0,5	74.430	2,1
<b>II. Chi phí lao động</b>	<b>1.032.606</b>	<b>43,6</b>	<b>1.826.090</b>	<b>52,2</b>
- Chi phí lao động nhà	538.410	22,7	877.640	25,1
- Chi phí lao động thuê	494.193	20,9	948.450	27,1
<b>Tổng chi phí chưa có LĐGD</b>	<b>1.831.112</b>	<b>100</b>	<b>3.275.400</b>	<b>100</b>
<b>Tổng chi phí có công LĐGD</b>	<b>2.369.522</b>		<b>3.498.790</b>	
Năng suất (tấn/1000m <sup>2</sup> )	9,42		9,86	
Giá bán trung bình (đồng/tấn)	334.000		461.250	
<b>Doanh thu</b>	<b>3.146.280</b>		<b>4.552.220</b>	
<b>Lợi nhuận chưa có LĐGD</b>	<b>1.315.168</b>		<b>1.276.820</b>	
<b>Lợi nhuận có công LĐGD</b>	<b>776.758</b>		<b>1.053.430</b>	

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2007-2008

Chi phí lao động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí đầu tư sản xuất mía nguyên liệu vì mía nguyên liệu là loại cây dễ trồng nhưng thời gian thu hoạch lại kéo dài (17 tháng) vì thế hao phí lao động cũng tăng theo thời gian. Đa số các nông hộ chỉ thuê lao động ở khâu làm đất và khâu thu hoạch. Chi phí phân bón cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn, trong đó chi phí giành cho phân URE chiếm tỷ trọng cao nhất, kể đến là phân NPK các loại và DAP. Chi phí giống và thuốc bảo vệ thực vật cũng là các khoản chi phí không nhỏ khi đầu tư sản xuất. Qua việc phân tích chi phí sản xuất cùng với doanh thu, lợi nhuận cho thấy việc trồng mía trong hai niên vụ vừa qua là đạt hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn khoảng 10% số nông hộ sản xuất mía nguyên liệu bị lỗ, nguyên nhân chính là do họ bỏ vốn quá nhiều cho các khoản chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí vốn nhưng sản lượng thu hoạch được và giá bán mía nguyên liệu của họ lại ở mức thấp.

### 3.8 So sánh năng suất, lợi nhuận trung bình giữa hộ sản xuất mía có ký hợp đồng bao tiêu và hộ không ký hợp đồng bao tiêu

**Bảng 4: Năng suất và lợi nhuận của hai nhóm hộ niên vụ 2007-2008**

Chỉ tiêu	Năng suất niên vụ 2007 (tấn/ha)		Lợi nhuận niên vụ 2007 (triệu đồng)	
	Có hợp đồng	Không hợp đồng	Có hợp đồng	Không hợp đồng
Trung bình	99,26	96,82	16,840	10,210
<b>Mức ý nghĩa (Sig.)</b>	<b>0,001</b>		<b>0,042</b>	

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2007-2008

Với mức ý nghĩa 5%, kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt giữa năng suất và lợi nhuận thu được của hai nhóm hộ. Nhóm hộ có ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với công ty mía đường luôn có năng suất và lợi nhuận cao hơn nhóm hộ không ký hợp đồng. Sở dĩ có sự khác biệt giữa hai nhóm hộ đó là do hộ có ký hợp đồng được nhận sự hỗ trợ từ công ty mía đường nhiều hơn, đặc biệt là trong các lĩnh vực tập huấn kỹ thuật, giống mới,... Kết quả này góp phần làm tăng tính thuyết phục đối với nông dân tại vùng nghiên cứu về vai trò và tác dụng của việc ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm, giúp nông hộ mạnh dạng ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm và áp dụng tiến bộ kỹ thuật ông ty chuyển giao.

### 3.9 So sánh năng suất và thu nhập của nông hộ giữa các vùng sản xuất mía ở tỉnh Hậu Giang

**Bảng 5: Năng suất và lợi nhuận các vùng nghiên cứu**

Chỉ tiêu		Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Năng suất (tấn/ha)	H. Phụng Hiệp	50,00	102,95	140,00	25,31
	TX. Ngã Bảy	76,00	129,62	190,00	16,28
	H. Long Mỹ	42,00	84,15	100,00	15,47
	TX.Vị Thanh	50,00	86,32	125,00	40,26
Lợi nhuận (triệu đồng/ha)	H. Phụng Hiệp	6,70	14,46	41,70	6,06
	TX. Ngã Bảy	4,40	13,61	31,30	7,26
	H. Long Mỹ	0,00	17,19	31,30	7,48
	TX.Vị Thanh	2,00	15,41	41,70	6,37

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2007-2008

Với mức ý nghĩa 5% thì có sự khác biệt về năng suất mía giữa các vùng nguyên liệu chính ở Hậu Giang. Cụ thể có sự khác biệt khá rõ về năng suất giữa các khu vực Phụng Hiệp – Ngã Bảy với Long Mỹ - Vị Thanh. Trung bình năng suất ở Ngã Bảy – Phụng Hiệp trên 100 tấn/ha, trong khi ở Vị Thanh – Long Mỹ chỉ hơn 80 tấn/ha. Tuy nhiên, lợi nhuận ở các khu vực này không có sự khác biệt ở mức ý nghĩa 5%, trung bình lợi nhuận từ cây mía giữa các vùng là 15,17 triệu đồng/ha, dao động từ 13,61 đến 17,19 triệu đồng/ha. Đó là do Thị xã Vị Thanh và Long Mỹ ít bị ngập lụt, người trồng mía có thể lưu gốc nhiều vụ nên giảm chi phí đầu tư giống, chi phí chuẩn bị đất, chi phí trồng mía ban đầu. Tuy nhiên đất cũng là nguyên nhân làm cho năng suất mía trung bình bị giảm ở các vụ lưu gốc sau (từ vụ 03 trở về sau). Còn ở Ngã Bảy và Phụng Hiệp có đặc điểm là bị nước ngập phải thu hoạch đúng thời vụ và không thể lưu gốc nên mỗi vụ phải làm đất lại, đầu tư giống mới, tốn chi phí trồng mới với tổng các khoản chi phí này trung bình khoảng 01 triệu đồng/công.

#### 4 KẾT LUẬN

Nhìn chung, hoạt động sản xuất mía nguyên liệu hàng năm ở tỉnh Hậu Giang đều đem lại lợi nhuận cho nông hộ. Mía nguyên liệu được xem là cây trồng chủ lực trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Nông hộ ở Hậu Giang có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất mía nguyên liệu. Nguyên nhân chủ yếu để họ gia nhập ngành là điều kiện đất đai phù hợp với khả năng sinh trưởng của cây mía nguyên liệu. Nông hộ sản xuất mía nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía nhà nước và công ty mía đường. Năng suất và sản lượng mía của nông dân có ký hợp đồng với nhà máy đường cao hơn những hộ không ký hợp đồng. Giữa các vùng sản xuất mía trong tỉnh, mà cụ thể là khu vực thị xã Ngã Bảy và huyện Phụng Hiệp với thị xã Vị Thanh và huyện Long Mỹ có sự khác nhau cơ bản về điều kiện sản xuất, nên năng suất có sự chênh lệch khá nhiều.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Ngọc Tuyết (2007), So sánh hiệu quả kinh tế hai mô hình mía - lúa và mía lưu gốc tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang. Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Kinh tế - QTKD, Đại học Cần Thơ.
- Phòng Thị Huỳnh Mai (2007), Đánh giá năng lực cạnh tranh của một số mặt hàng nông sản ở Đồng Bằng Sông Cửu Long khi gia nhập WTO. Luận văn thạc sĩ chuyên kinh tế, Khoa Kinh tế - QTKD, Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn Quốc Nghi (2008), Thực trạng sản xuất và tiêu thụ khóm ở tỉnh Hậu Giang. Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc Chương trình NPT.
- Nguyễn Minh Tân (2008), Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tác nhân trong ngành hàng mía nguyên liệu tỉnh Hậu Giang. Luận văn tốt nghiệp đại học, Khoa Kinh tế - QTKD, Đại học Cần Thơ.
- Phan Quang Vinh, Nguyễn Minh Dũng (2008), Những bước thăng trầm trong quá trình hình thành và phát triển CASUCO, CASUCO thương hiệu Việt, uy tín, chất lượng, (bản tin số 6 tháng 01/2008).
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hậu Giang, Báo cáo tổng kết năm 2005, 2006, 2007 của ngành nông nghiệp Hậu Giang.